

Bài văn mẫu Phân tích bài thơ Lai Tân tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài thơ Lai Tân

Bài thơ Lai Tân đã ghi lại những điều mắt thấy tai nghe trong những ngày Bác bị giam cầm trong nhà tù của bọn Tưởng Giới Thạch. Bức tranh hiện thực nhà tù và một phần xã hội Trung Quốc đã được thu nhỏ trong bốn câu thơ bảy chữ kèm theo thái độ

Thành công của bài thơ Lai Tân là nghệ thuật châm biếm sắc sảo, độc đáo, với giọng điệu tự sự xen lẫn trữ tình với một kết cấu chặt chẽ vững chắc.

Bài thơ Lai Tân có kết cấu gồm 2 phần, với hai cách cấu tứ khá bất ngờ. Như trên đã nói, ba câu đầu chỉ thuần kể việc. Điểm nút chính là câu thứ tư. Nó làm bật ra toàn bộ tư tưởng của bài. Nó làm bung vỡ tất cả cái hàm ý châm biếm mỉa mai hướng đến sự thối nát tận xương tủy của cái xã hội Tưởng Giới Thạch.

Trong ba câu đầu miêu tả ngắn gọn, khách quan mà sâu sắc, có sức công phá không hề nhỏ vào sự lộn xộn, bát nháo của xã hội Tưởng Giới Thạch.

Hồ Chí Minh vẽ lên ba bộ mặt thật vô cùng sinh động. Lão giám ngục (ban trưởng nhà lao) đánh bạc ngày này qua ngày khác, viên cảnh sát trưởng thì lóc lèm móc túi tiền của tù nhân và quan huyện thì chong đèn hút thuốc phiện. Ở đâu đánh giặc thì cứ đánh giặc, còn cái trời đất Lai Tân này thì muôn thuở vẫn thế. Ba nhân vật hoạt động ráo riết như trong một màn hài kịch câm vậy. Cả ba đang đóng vai một cách nghiêm túc đến vô thức dưới gầm trời "thái bình" của Lai Tân — cảnh tượng thu hẹp của cái giang sơn dưới bàn tay nhà họ Tưởng.

Câu thơ cuối là lời châm biếm, mỉa mai rất sắc sảo. Một chữ "thái bình" mà thâm tóm lại bao nhiêu việc làm vốn là chuyện muôn thuở của cái xã hội Trung Quốc còn giai cấp bóc lột thống trị. Chỉ một chữ ấy mà xé toang tất cả sự "thái bình" dối trá nhưng thực sự là đang "đại loạn" từ bên trong của xã hội.

Ba câu đầu chỉ là những câu kể việc, nói về hình tượng cũng không có gì đặc biệt lắm nhưng mỗi nhân vật đều có một việc làm khác nhau mà đặc biệt giống nhau về sự thối nát, nhất là lại ở vào cái hoàn cảnh "quốc gia hữu sự". Người xưa đã nói "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Giặc đang ở ngay trước mắt, thiên hạ đã đại loạn rồi, thế mà bọn quan lớn bé đều chỉ lo làm sao vơ vét cho đầy túi. Bác không cần dùng chữ "đại loạn" Bác chỉ nói "thái bình", nói như không "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình". Với câu nói đó (mà nghệ thuật thơ Đường gọi là "cảnh cú"), một câu thơ kêu lên có thể làm rung chuyển những câu thơ khác. Bài thơ vốn phẳng lặng bỗng vang ngân, bỗng giục giã, bỗng gây ra những cảm xúc đặc biệt.

Bài thơ cũng in đậm bút pháp châm phá của thơ Đường. Lời thơ ngắn gọn, xúc tích, không câu kì câu chữ, nhưng có thể nói: chỉ với bốn câu thơ ngắn, nhà thơ đã vẽ nên cái bản chất của cả chế độ xã hội mục nát đến cùng. Sức chiến đấu, chất "thép" của bài thơ nhẹ nhàng mà quyết liệt chính là ở đó. Câu kết có vẻ dừng dừng, vô cảm kia, té ra vẫn ẩn giấu bên trong một tiếng cười khẩy, một tiếng cười mỉa mai có tác dụng lật tẩy bản chất của cả bộ máy nhà nước ở Lai Tân.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài thơ Lai Tân

Vào khoảng những năm ba mươi của thế kỷ XX, trên văn đàn Việt Nam đã dần dần có một sự trưởng thành mới. Thi ca giờ đây của Việt Nam không còn bị lệ thuộc vào những quy ước khắt khe của Nho gia rằng tất cả nhà thơ không được bộc lộ cái tài một cách tự do. Bước vào giai đoạn này, mỗi thi sĩ lại hiện diện trên văn đàn với một tư thế rất riêng, của riêng mình. Cũng bởi vì cái riêng này, họ - thi sĩ thời đại mới - đã có những định nghĩa rất khác về thơ. Nếu Xuân Diệu cho rằng

*“Là thi sĩ nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây”*

Thì Hàn Mặc Tử lại nói: “Thi sĩ là người gánh trên vai cả nỗi đau nhân loại”. Câu hỏi đặt ra rằng “nỗi đau nhân loại” đó là gì? Có thể là nỗi phiền muộn “tương tư” như Nguyễn Bính chăng? Hay là tư thế “không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà” của Huy Cận? Bên cạnh những nỗi đau trên, Hồ Chí Minh cũng đã “vô tình” thêm vào “nỗi đau nhân loại” kia một góc nhìn rất khác. Đó là góc nhìn vào cái xấu xa, thối nát của xã hội. Không còn chỉ là gói gọn trong “vòng trời đất dọc ngang ngang dọc” của đất Việt mà đã chạm đến cái mục của xã hội Trung Quốc do chính quyền Tưởng Giới Thạch đứng đầu lúc bấy giờ. Tuy rằng “ngâm thơ ta vốn không ham” nhưng nếu là con người thì Hồ Chí Minh lại thờ ơ với những gì chướng tai gai mắt thế sao? Chỉ gói gọn trong bài thơ “Lai Tân”, tác giả đã nhẹ nhàng nhưng lại đả kích sâu cay một xã hội

*“Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc
Giải người, cảnh trưởng kiểm ăn quanh
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”*

Vì là người tù của chế độ Tưởng Giới Thạch nên không có gì khó hiểu khi tác giả lại vẽ ra một bức tranh hiện thực sắc sảo đến thế. Khi lược đọc qua bài thơ, người ta sẽ dễ dàng nhận thấy một nghịch lý – một nghịch lý rất lớn. Đúng rằng không thể phủ nhận được trong thi ca không được có những nghịch lý. Thi ca vẫn được quyền có những nghịch lý. Những nghịch lý đó đôi khi là cảnh “Hầu trời” của Tân Đà hay làm sao có thể được khi Xuân Diệu lại muốn “cắn” vào “xuân hồng”. Tuy là nghịch lý đấy nhưng tất cả đều mang trong mình một nét dễ thương của con người “ru với gió, mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây”. Nghĩa là tuy nghịch lý về vật chất nhưng lại hợp lý trong tâm khảm.

Cái nghịch lý ở đây mà Hồ Chí Minh đặt ra cũng thế. Cái nghịch lý này giờ đây đã kèm theo chút nóng giận, bức tức. Làm sao có thể được khi một xã hội “ban trưởng chuyên đánh bạc”, “cảnh trưởng” lại “kiểm ăn quanh” mà “trời đất Lai Tân vẫn thái bình”? Quả thật, nếu như định nghĩa rằng “ban trưởng” là người trông coi nhà lao và “cảnh trưởng” là những người có nhiệm vụ giải tù nhân. Tất cả họ dường như đều chung một công việc là giáo dục tù nhân, giúp tù nhân tốt hơn. Nhưng thực tế thì không phải vậy.

Trong cái nghịch lý chủ đạo đã trình bày thì lại đâu đó nhen nhóm lên những nghịch lý khác. Chính là tại sao trong tù lại có cái nạn đánh bạc? Vẫn biết rằng chính xã hội lúc bấy giờ bên Trung Quốc thì món đánh bạc bị luật cấm. Nếu như anh đánh bạc thì không những anh, mà cả vợ

con anh cũng bị liên lụy; còn riêng anh, anh phải đi tù. Đó là một thực tế và thực tế này đã được Hồ Chí Minh phác lại qua một lời ăn năn, hối tiếc của tên tù cờ bạc:

*“Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội
Trong tù đánh bạc được công khai
Bị tù con bạc ăn năn mãi
Sao trước không vô quắt chôn này?”*

Chính bài thơ trên đã vẽ ra rất khéo sự lạm quyền đến khốn nạn của chế độ lúc đó. “Con bạc” kia bị tù là đáng rồi, thích đáng cho việc hắn làm. Nhưng làm sao có thể im lặng được khi cái kẻ bắt mình vì tội đánh bạc thì chính y cũng đánh bạc. Thế là cả cai tù và phạm nhân đều là tòng phạm. Cùng đánh bạc với nhau cả thôi, nếu tôi có tội thì anh cũng chẳng thoát; thế mà lấy cái tư cách gì mà anh bắt tôi? Quả đúng như thế, vị quan kia không có tư cách để “bắt tội” nhưng hắn có quyền. Hắn có quyền, cái quyền mà chế độ Tưởng Giới Thạch đã “ban tặng” cho hắn. Và rồi cái nghịch lý ở đây là nhà lao giờ đây đã bị biến thành sòng bạc “được công khai”. Tại đây, ngay cái nơi mà tù nhân ước gì mình đừng vô đây lại được cấp giấy phép đánh bạc. Ngay cả đến “con bạc ăn năn mãi”: thà lúc trước vào đây đánh bạc để khỏi bị kết tội. Nực cười chẳng? Cũng có thể. Chua cay chẳng? Cũng có thể. Đau đớn chẳng? Cũng có thể. Cái nhà tù Tưởng Giới Thạch là thế đấy!

Và rồi, không chỉ có nạn đánh bạc vậy đâu mà nơi đây còn bị Hồ Chí Minh chụp ảnh lại:

“Giải người, cảnh trưởng kiểm ăn quanh”.

Lại thêm cái nạn hối lộ. Đã quá đong đầy những sự thối nát, mục rữa của nhà tù Tưởng Giới Thạch. Khi bước vào lao tù, phạm nhân luôn ý thức rằng này đây mình sẽ bị đánh, bị đối xử có thể thậm chí như một súc vật. Biết là thế nhưng nếu với ý nghĩa nhà tù là nơi cải tạo phạm nhân thì lại sao có cái tình trạng hối lộ? Nghịch lý! Ở một bài thơ khác, tác giả cũng đã khắc lại cái trở trêu, cái khốn nạn của thói ăn hối lộ này một cách rất chân thực:

*“Mới đến nhà lao phải nộp tiền
Lệ thường ít nhất năm mươi nguyên
Nếu anh không có tiền đem nộp
Mỗi bước anh đi một bước phiền”*

Thì ra cái thói ăn hối lộ là một “lệ thường”. Bây giờ đã rõ đến tận gốc rễ của sự việc. “Cảnh trưởng” dường như có được cái quyền làm cho “mỗi bước anh đi một bước phiền” nếu như tù nhân không có “năm mươi nguyên” đem nộp. Ở nơi “tối tăm mù mịt ấy”, tác giả đã thấy, đã chua xót, đã cay đắng vì cái nghịch lý khốn nạn, trở trêu này. Dường như tác giả đang tìm một sự hợp lý nào đó.

“Chong đèn, huyện trưởng làm công việc”

Tưởng chừng như “huyện trưởng” là một vị quan rất lo cho dân, rất thương dân nên khi đêm đã về, vạn vật như chìm đắm trong giấc mộng thì ông lại “thieu đặng” để làm việc. Điều này thật là quý hóa! Nhưng câu hỏi đặt ra nếu như ông ta lo lắng cho dân, cho nước như thế thì tại sao cấp dưới của ông ta lại xảy ra, xuất hiện những thói đời như thế. Phải chăng ông là người có tài nhưng lại bất lực; hay ông cố tình cho qua và “cho phép” cấp dưới được quyền như thế? Vấn đề

đặt ra tiếp theo rằng phải chăng “huyện trưởng” đã được cấp dưới đút lót? Đó quả là một câu hỏi lớn - một câu hỏi phải để cho chính chế độ đó trả lời. Một mặt khác, nếu như đánh đồng những đối tượng trong ba câu thơ đầu thì có lẽ “huyện trưởng” hằng đêm “thieu đảng” để hút thuốc phiện. Không phải một cách cường điệu mà ghép hết tội này đến tội khác cho ông; nhưng dù có cố tìm một lý do chính đáng cho những hành động giữa đêm như thế trong bối cảnh này cũng là khó khăn.

Chỉ cần lướt qua ba câu thơ đầu của “Lai Tân”, người đọc đã có thể thấy đó như một thước phim mà tác giả đang cố tái hiện lại một cách chân thực. Thước phim này chiếu lại một bộ máy cai trị ở Lai Tân gồm “ban trưởng”, “cảnh trưởng”, “huyện trưởng” với những việc làm xem ra là bình thường trong cái xã hội bấy giờ. Bình thường đến mức tầm thường! Thực tế là vậy. Một điều minh nhiên rằng cái xã hội đó sẽ không “thái bình”. Nhưng đến câu cuối bài thơ, với tất cả những sự việc như thế mà tác giả lại kết luận rằng:

“Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”

Dường như là dửng dưng và vô cùng nghịch lý. Tuy là thế nhưng tác giả đã đả kích một cách nhẹ nhàng nhưng lại thâm thúy. Nhân tự “thái bình” đồng thời vừa vạch ra một nghịch lý, vừa vẽ ra một hợp lý mang “phong cách” Tưởng Giới Thạch. Phải chăng “thái bình” là do được sự đồng lòng nhất quán từ “cảnh trưởng”, “ban trưởng” đến “huyện trưởng”. Tất cả đều như nhau, cũng thổi nát, mục rữa. Lại thêm với nhân tự “thái bình”, tác giả dường như đang khẳng định rằng tình trạng của chế độ thống trị xã hội Trung Quốc bấy giờ vẫn xảy ra bình thường, không có gì phải lạ cả, thậm chí điều đó gần như là bản chất của guồng máy cai trị ở đây. Chỉ cần như thế thôi, tác giả đã mĩa mai châm biếm cái xã hội dưới thời Tưởng Giới Thạch đó một cách sâu sắc đến vậy. Sâu sắc là bởi thi nhân đã nhìn thấy vào trong cái sự thật đã được che đậy bằng bề mặt giả tạo của bộ máy cai trị này.

Hồ Chí Minh dường như đã thật sự trở thành một thi sĩ vì tác giả đã “gánh trên vai cả nỗi đau nhân loại”. Thi nhân vừa thương vừa đả kích mạnh mẽ. Bút pháp châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thúy cùng nhân tự “thái bình” đặc biệt xen giữa nhịp thơ 4/3 đã giúp thi sĩ hoàn thành “Lai Tân”. Rất chính đáng, vô lý nhưng lại có lý hết lời!

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài thơ Lai Tân

“Nhật kí trong tù” của Hồ Chí Minh được kết hợp từ hai yếu tố ”trữ tình” và “hiện thực”, “Lai Tân” là một trong những bài thơ thể hiện rõ những yếu tố đó. Nó là một thành công của Bác trong việc kết hợp bút pháp tả thực và trào phúng vẽ nên bức tranh thời sự về chế độ xã hội Tưởng Giới Thạch.

Với tư cách là người thư ký trung thành của thời đại, Bác đã ghi lại một cách khách quan những cảnh:

“Giám phòng ban trưởng thiên thiên đổ
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền
Huyện trưởng thieu đảng biện công sự”

Khác với Tú Xương trong hoàn cảnh tự do nên có “thề thảng tay đập vào mặt bọn thống trị những cái tát giáng trời:

*“Ở phố Hàng Song thật lắm - quan
Thành thì đen kịt, Đốc thì lang
Chồng chung vợ chạ kìa cô Bó
Đậu lạy quan xin nợ chú Hàn”*

(Lắm quan)

Hồ Chí Minh chỉ có thể mỉa mai, châm biếm sâu cay bọn thống trị bằng ngòi bút trong hoàn cảnh tù đầy, gông xiềng. Từ cái mặt bên ngoài đến tận cùng những hồng hách bên trong của bộ máy thống trị Trung Hoa quốc dân đảng đã chứa đầy những mâu thuẫn. Tác giả “Lai Tân” đưa ra ba gương mặt điển hình của bộ máy chính quyền Tưởng Giới Thạch đó là: “Ban trưởng”, “cảnh trưởng”, “huyện trưởng cái chức “trưởng” của họ khá oai vệ, đầy uy lực, những việc làm của họ đầy khuất tất, bất chính. Khuôn khổ bài thơ rất ngắn gọn nhưng lại được đặt liên tiếp ba chữ “trưởng” trong ba câu thơ đầu là sự “cố tình” dùng phép lặp của Bác trong việc dựng lên những chân dung tiêu biểu của giai cấp thống trị. Ba câu thơ – mỗi câu là một bức tranh sống động mang tính thời sự nóng hổi, chân thật đến từng cỗi tiết được vẽ bằng nét bút bình thản, lạnh lùng Bức thứ nhất bày ra trước mắt mọi người là hình ảnh một “ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc”. Bức thứ hai là hình ảnh “cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải”.

Cả ban trưởng và cảnh trưởng đều là những công cụ thi hành pháp luật rất đặc lực của cái xã hội đầy rẫy những bi lậu, xấu xa. Chúng khoác trên mình chiếc áo “công lý” để làm những việc “bất công lý” một cách thường xuyên hết ngày này đến ngày khác. Chức “trưởng” của chúng đã có, sự phạm pháp của chúng còn lớn hơn ngàn vạn lần. Tiếng cười trào lộng bật lên từ nghịch cảnh đó. Thoạt tiên, mới nhắc đến “ban trưởng”, “cảnh trưởng” thiết tưởng đó là những người cầm cân nảy mực chắc hẳn phải công minh, trong sạch nhưng ta thực sự bất ngờ khi biết chúng chẳng qua là những con mọt dân, gây rối, bắt bớ dân để mà tham những, cò bạc.

Chúng mượn cái danh để tự đặt ra cho mình cái quyền thích làm gì thì làm. Đắt Lai Tân có ban trưởng, cảnh trưởng tưởng chừng cuộc sống bình yên nhưng trở trêu thay trật tự an ninh không được đảm bảo, những vi phạm pháp luật vẫn diễn ra đây rẫy mà những kẻ đứng đầu bộ máy thống trị ở Lai Tân cũng chính là những kẻ cầm đầu những chuyện phạm pháp đó. Nực cười thay, nhà tù là nơi giam giữ những kẻ phạm tội vậy mà lại chính là nơi để tội phạm cở thể thịnh hành rộng rãi nhất, tiêu biểu hơn cả, nhiều hơn cả vẫn là tội phạm cò bạc mà chính giai cấp thống trị nhà lao cũng là những “đồ phạm”. Cái nghịch cảnh “đánh bạc ở ngoài quan bắt tội, trong tù được đánh bạc công khai” là hiện thực thối nát của nhà tù Tưởng Giới Thạch không thể phủ nhận được.

Cấp dưới sông và hành động bê tha, tàn ác như thế, vậy mà cấp trên – huyện trưởng – vẫn đêm đêm “chong đèn lo công việc”. Mức độ mỉa mai, châm biếm của tác giả tăng dần. Kích thước của những bức tranh về sau to hơn, rộng hơn bức trước. Từ chân dung một ban trưởng trông coi một phạm vi nhà tù nhỏ hẹp tới một cảnh trưởng cai quản một địa phận lớn hơn đến một huyện trưởng cai trị một vùng rộng lớn và bao quát cả quyền của ban trưởng cảnh trưởng. Bức tranh thứ ba mở ra hình ảnh “Huyện trưởng thiêu đặng biện công sự” về ngoài tưởng mẫu cách, sát sao với “công việc” nhưng thực ra lại là một kẻ quan liêu, vô trách nhiệm, không biết

tay chân, cấp dưới làm những gì, phạm pháp những gì. Câu thơ phạm luật “nhị tứ lục phân minh” ở một chữ “công”.

Bao mịa mai, đả kích sâu cay dồn nén vào một chữ “công” đó. Huyện trưởng “lo công việc” hay là mượn “việc công” để tạo một tấm bình phong che cho mình “lo việc riêng”, hút thuốc phiện? Tác giả đặt chữ “đăng” chính giữa câu thơ không nhằm mục đích tỏa sáng chân dung huyện trưởng mà nhằm đả kích, phản chiếu cái tối tăm của bộ máy thống trị Lai Tân (nói riêng), hệ thống chính quyền Tưởng Giới Thạch (nói chung). Giữa thực trạng ấy, thử hỏi bình yên ở đâu? Câu trả lời là: Bình yên vẫn ở chốn Lai Tân này!

“Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”

Câu trả lời bất ngờ đến mức khiến người đọc ngã ngửa người. Thì ra là thế! Lời bình giá đã đi ngược lại với tất cả những mục ruỗng, thối nát của chính quyền Tưởng Giới Thạch được phơi bày ở trên. Từ lời bình giá đó đã vút lên một lời đả kích mạnh mẽ. Tác giả “Lai Tân” đã kết luận đầy châm biếm, mỉa mai sắc sảo và rất hùng hồn về cái xã hội ấy. Thủ pháp nói ngược của Bác đã làm bật ra tiếng cười trào phúng. “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”. Đúng vậy! Nhưng chỉ một chữ “vẫn” cũng đủ “điếng người”. Một cái bĩ môi dài, một cái cười khẩy, một giọng nói kéo dài bắt đầu từ chữ “vẫn” ấy.

Nghệ thuật nâng cao – quật mạnh, nâng cao 1 quật càng được Bác sử dụng rất công hiệu ở câu thơ cuối bài này đã lay tỉnh người đọc nhìn sâu vào xã hội ấy mà xem xét, đánh giá đúng thực chất của nó. Như con đà điểu thấy nguy hiểm là húc đầu vào sâu trong cát, giai cấp thống trị ở Lai Tân thấy trời đất thái bình là tưởng thầy yên ổn chúng bằng lòng với cách thái bình đó mà không ngờ rằng đó chỉ là cảnh thái bình giả dối, trong đó chôn chứa rất nhiều sóng gió, hiểm nguy. Điều ấy cũng thể hiện sự ngu dốt, vô trách nhiệm hết sức của bọn chúng. Ba bức tranh – ba chân dung của ba kẻ đại diện cho giai cấp thống trị chế độ Tưởng Giới Thạch ghép lại với nhau thành một bức tranh lớn – một chân dung lớn đầy đủ, trọn vẹn về xã hội Trung Hoa quốc dân đảng.

Với “nghệ thuật vẽ đường tròn đồng tâm” tác giả “Lai Tân” đã vẽ được một bức tranh sinh động mỗi lúc một toàn diện hơn chế độ xã hội Tưởng Giới Thạch. Nhà “dột từ nóc dột xuống” chỉ qua một huyện Lai Tân mà cả bộ mặt thối nát, bi lậu của xã hội Tưởng được phơi bày. Tác giả đã phủ định triệt để tận gốc giai cấp thống trị ấy. Cái “loạn” của mảnh đất Lai Tân được tô đậm bằng màu xám, màu tối của những bê tha, xấu xa, vô trách nhiệm, rất quan liêu của văn võ bá quan. Và hơn thế, nó được “trang trí” bằng sự “thái bình” nhưng ai cũng hiểu trời đất Lai Tân “thái bình” như thế nào.

Cách kết thúc bài thơ của Hồ Chí Minh giống lối thơ trào phúng truyền thống của các nhà thơ trào phúng Việt Nam như Tú Xương, Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương... đồng thời đậm chất (gây cười) của phương Tây. Hai chữ Lai Tân dường như không chỉ là một tên huyện đơn thuần mà tự bản thân nó đã mang một lớp nghĩa là mảnh đất mới, sáng sủa, bình yên. Và quả thật, huyện Lai Tân rất bình yên – bình yên “như xưa”. Nhưng “như xưa” ở đây nghĩa là sự trì trệ, là chậm chạp không phát triển đã thành truyền thông; “như xưa” là không hề đổi thay, là duy trì những cái xấu xa bi lậu của ngày trước. Hồ Chí Minh đã đả kích trực tiếp và khách quan chế độ Tưởng, do đó sức tế cáo, châm biếm của nó rất mạnh mẽ, quyết liệt. Bác đã giáng những đòn liên tiếp, chính xác vào xã hội ấy khiến nó phải “quần lèn” ở nhất đòn quyết định có tên là “thái bình”.

Không phải chỉ ở “Lai Tân” mà ở rất nhiều bài thơ khác của “Nhật kí trong tù Bác cũng đã đả kích châm biếm sâu sắc xã hội Tưởng Giới Thạch như “Trắng bình gia quỵến”, “Đồ”, “Đồ phạm”. Đó là “những ngón đòn trào phúng thâm thúy mà Bác đã đánh thẳng vào kẻ thù, vạch trần cái vô lý, tàn tệ” của chế độ ấy khiến “ta cười ra nước mắt”. Tiếng cười trào lộng cất lên vừa trữ tình, vừa đậm chất trí tuệ khiến ta thoải mái, hả hê.

Ta chợt nhớ tới Tú Xương ngày trước cũng từng có một tiếng cười trào lộng như thế: “Tri phủ Xuân Trường được mấy niên Nhờ trời hạt ấy cùng bình yên”. (Đưa ông phủ)

Tiếng cười dân tộc đã thấm nhuần trong thơ hiện thực trào phúng của Hồ Chí Minh mà càng đọc ta càng thấy nó sâu cay. “Lai Tân” là một bài thơ cũng nằm trong số đó. Vừa có ý nghĩa hiện thực chân xác, vừa mang tính chiến đấu sắc lạnh tố cáo châm biếm cao độ, bài thơ đã giúp ta hiểu thêm về xã hội Tưởng Giới Thạch và hiểu hơn tâm hồn tài năng của Bác.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài thơ Lai Tân

Một nội dung của tập thơ Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh là ghi chép những điều tai nghe mắt thấy hàng ngày của tác giả trong nhà tù và trên đường chuyển lao, đem đến cho nhiều bài thơ tính hướng ngoại và yếu tố tự sự, tả thực. Nhờ thế, tác phẩm đã tái hiện được bộ mặt đen tối của nhà tù Quốc dân đảng Trung Quốc rất tỉ mỉ, chi tiết như một cuốn phim tư liệu có sức phê phán mạnh mẽ. Tập thơ còn cho thấy một phần của tình trạng xã hội Trung Quốc vào những năm 40 của thế kỉ XX. Bài thơ Lai Tân là một trong những bài thơ trong tập thơ có nội dung hiện thực như vậy.

Lai Tân là nơi mà Hồ Chí Minh đã trải qua trên con đường từ Thiên Giang đến Liễu Châu thuộc tỉnh Quảng Tây. Bài thơ mang tên địa danh này là bài thơ thứ 97 trong số 134 bài thơ của tập Nhật kí trong tù, nó cho thấy hiện trạng đen tối, thối nát của một xã hội tưởng là yên ả, tốt đẹp.

Một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thường có bốn phần, mỗi phần một câu có chức năng nhất định trong việc kết cấu và biểu đạt ý nghĩa của bài thơ.

Bài thơ Lai Tân thuộc thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật nhưng có kết cấu khá đặc biệt. Tính chất đặc biệt này bắt nguồn từ dụng ý châm biếm của tác giả, đồng thời thể hiện tài năng của tác giả trong việc kết cấu một bài thơ châm biếm theo thể thơ vốn rất trang trọng và nghiêm ngặt.

Bài thơ chia làm hai phần rõ rệt, chứ không phải bốn phần như thể Đường luật. Phần đầu gồm ba câu đầu, viết theo lối tự sự. Phần hai chỉ có câu cuối mang tính chất biểu cảm. Phần tự sự kể lại việc Ban trưởng ngày ngày đánh bạc, Cảnh trưởng giải tù và bóc lột họ, Huyện trưởng đêm đêm chong đèn hút thuốc phiện. Phần biểu cảm là thái độ của nhà thơ trước những hiện thực được chứng kiến.

Xét về kết cấu, hai phần trên có liên hệ với nhau rất chặt chẽ và vững chắc. Nếu chỉ có một phần thì kết cấu sẽ bị phá vỡ, bài thơ không còn nhiều ý nghĩa, nhất là nếu mất đi câu cuối thì sẽ mất ý nghĩa châm biếm, đả kích, mặc dù ba câu đầu đã thể hiện sự phê phán. Tính liên kết chặt chẽ trong kết cấu đã làm nổi bật mâu thuẫn giữa sự bất an và thái bình, tạo nên tiếng cười chua cay trước hiện thực sống.

Bài thơ được viết vào giai đoạn đất nước Trung Quốc bị phát xít Nhật xâm lược, nhân dân Trung Quốc phải rên xiết dưới sự thống trị của ngoại bang và sâu một trong bộ máy quan lại chính quyền Tưởng Giới Thạch. Ba câu đầu trong bài thơ ghi lại hiện thực trong nhà tù. Đó là công việc thường ngày của ba viên quan lại tiêu biểu cho bộ máy chính quyền ở Lai Tân. Ban trưởng nhà giam thì ngày ngày đánh bạc, Cảnh trưởng bòn rút ngay cả của người tù, Huyện trưởng siêng năng đến độ phải chong đèn vào ban đêm để hút thuốc phiện. Đọc câu thơ cứ ngỡ là Huyện trưởng siêng năng đang làm việc vào ban đêm, nhưng đặt công việc vào hoàn cảnh chung của Ban trưởng và Cảnh trưởng thì rõ ràng Huyện trưởng đang làm công việc bất thường. Cảnh tượng hoàn toàn không bình thường đối với một bộ máy quan lại của chính quyền nghiêm chính. Câu kết bài thơ lại tạo ra một nghịch lí: Trời đất Lai Tân vẫn thái bình. Câu thơ không có gì là bất thường cả, guồng máy cai trị ở Lai Tân xưa nay vẫn phán công việc một cách rành mạch: Ban trưởng đánh bạc, Cảnh trưởng hối lộ, Huyện trưởng hút thuốc phiện. Cả bộ máy là một sự yên ổn, thái bình.

Sự thối nát của bộ máy chính quyền đã hết sức trầm trọng, cái xấu, cái vô kỉ cương đã trở thành phổ biến, thậm chí đã trở thành một nếp sống thường ngày. Và đó chính là sự thái bình trong cuộc sống của quan lại Lai Tân.

Bộ mặt quan lại nhà tù Lai Tân được Hồ Chí Minh khắc họa đầy đủ, rõ nét với chỉ bốn câu thơ. Không những thế, bài thơ còn phê phán tình trạng thối nát phổ biến của bọn quan lại và xã hội Trung Quốc dưới thời cầm quyền của Quốc dân đảng. Nghệ thuật châm biếm của bài thơ được tạo nên từ hai yếu tố cơ bản là mâu thuẫn và giọng điệu.

Một trong những bút pháp để tạo ra tiếng cười trong nghệ thuật trào phúng là khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên. Ở đây, mâu thuẫn được tạo dựng bởi kết cấu bài thơ. Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường theo lẽ thường. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận Trời đất Lai Tân vẫn thái bình, cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường. Đó là tiếng cười được tạo ra một cách chua cay.

Để tiếng cười trở nên mạnh mẽ, sâu sắc và độc đáo, tác giả đã đưa ra tới ba hình tượng (Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng) gắn liền với ba hiện tượng (đánh bạc, ăn hối lộ, hút thuốc phiện) và không dùng lại ở đó, Hồ Chí Minh còn nâng cao sự việc lên tầm phổ quát và phổ biến bằng các từ lặp lại như ngày ngày, đêm đêm, y nguyên như cũ.. Những hiện tượng đó đủ để chúng ta kết luận xã hội Lai Tân đang rối loạn. Nhưng bất ngờ thay, tác giả lại kết luận là đang thái bình. Hóa ra, rối loạn hay thái bình không còn phụ thuộc ở hiện thực khách quan theo logic tự nhiên nữa mà phụ thuộc vào cách nhìn hiện thực khách quan đó. Nếu người khác nhìn thì cho đó là loạn nhưng với bộ máy quan lại Lai Tân thì cho đó là thái bình. Người đọc luôn cười nhưng lại là điệu cười chua chát vì sự thật đã bị bóp méo một cách trần trụi, lẽ thường cuộc sống đã bị chà đạp không thương tiếc.

Giọng điệu thơ chính là giọng điệu tâm hồn nhà thơ, nhà thơ không bao giờ tạo nên tiếng cười dễ dãi. Hồ Chí Minh chắc hẳn đã rất bất bình khi chứng kiến những cảnh tượng như thế. Vậy tại sao tác giả không dùng giọng điệu đanh thép, phẫn nộ mà có vẻ bình thản, nhẹ nhàng? Với bút pháp hiện thực, hơn nữa đây là hiện thực trào phúng nên tác giả đã giữ đúng thái độ khách quan nhằm mang lại giá trị phản ánh lớn nhất. Sự bình thản của Hồ Chí Minh cho ta cảm giác Người không có ý phê phán hoặc trào phúng gì cả. Tuy nhiên, với giọng thơ ấy, tác giả đã tạo ra sự đã kích mạnh mẽ, quyết liệt. Đó chính là nét độc đáo của bút pháp Hồ Chí Minh trong bài thơ.

Bài văn mẫu số 5: Phân tích bài thơ Lai Tân

Tập thơ Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh gồm những bài thơ có tính nhật kí, tác giả ghi lại những sinh hoạt trong tù, ghi lại tâm tư, tình cảm của chính tác giả trong những ngày đen tối chốn tù lao, hoặc ghi lại những điều tai nghe mắt thấy trên đường bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác. Duy có bài thơ Lai Tân là có giá trị tổng kết hiện thực trong và ngoài nhà tù, phác họa được bộ mặt của nhà cầm quyền trong và ngoài nhà tù ở huyện Lai Tân mà cũng là bộ mặt điển hình cho nhà cầm quyền Trung Quốc dưới thời Quốc dân đảng bấy giờ.

Bài thơ mở đầu như văn phóng viên, lạnh lùng mà trung thực: Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc. Hồ Chí Minh làm thơ, nhưng cũng đừng quên Người là một nhà báo lừng danh thời hoạt động cách mạng ở Pháp, đã từng làm chủ bút báo Người cùng khổ.

Tập thơ Nhật kí trong tù có nhiều nét báo chí như cách chọn nhân vật, lựa sự kiện, nghệ thuật đưa tin. Trong câu thơ mở đầu, tác giả đã chộp được một sự kiện hết sức kinh ngạc là tên ban trưởng nhà lao đánh bạc! Làm sao trong tù, tác giả nhạy tin tức đến thế? Có gì đâu, tên cai ngục này đánh bạc trong nhà tù, đánh bạc công khai với tù cờ bạc. Người dân đánh bạc ở ngoài thì bị bắt, bị tù; còn con bạc vào tù thì được tha hồ đánh bạc.

Có lần tác giả đã châm biếm: Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội Trong tù đánh bạc được công khai Vào tù con bạc ăn năn mãi. Sao trước không vô quách chốn này. Tù nhân cờ bạc có người bị hành hạ, đói rét, chết ngay trong nhà tù (Đêm qua còn ngủ bên tôi, Sáng ra anh đã về nơi suối vàng), thật là thâm! Có thể nói, nhà tù là nơi thực thi luật pháp, nhưng nhà tù ở Lai Tân thủ tiêu luật pháp. Ban trưởng nhà lao đã biến nhà tù thành chỗ hẩn kiếm chác.

Đánh bạc với tù cờ bạc trong tù là một cách ăn cướp trắng trợn của tên ban trưởng đối với tù nhân. Câu thơ chỉ đưa tin, không bình luận mà có sức tố cáo sâu sắc chế độ nhà tù ở Lai Tân. Ra ngoài nhà tù, tác giả lại tóm ngay được một tên trưởng nữa làm bậy. Lại cũng là một quan chức thi hành pháp luật: Cảnh sát trưởng ở Lai Tân! Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền. (Giải người cảnh trưởng kiếm ăn quanh) Nạn ăn hối lộ trong xã hội Trung Quốc thời đó đã trầm trọng. Nhà tù lại càng thối nát. Tù nhân vào tù phải nộp tiền! Nếu không có tiền thì mỗi bước anh đi mỗi bước phiền. Muốn có đèn sáng phải có tiền, muốn có nước dùng phải có tiền. Cảnh sát trưởng giải phạm nhân cũng kiếm chác.

Tác giả không còn nén được sự căm giận, đã lộ ra trong mấy tiếng cảnh trưởng tham thôn (cảnh sát trưởng tham lam). Tác giả đã lôi ra hai tên trưởng ở Lai Tân làm bậy, tên thì đánh bạc, tên thì ăn hối lộ. Còn tên huyện trưởng thì làm gì mà có vẻ nghiêm túc. Hình ảnh thơ thật là bí mật, mà cũng thật là hay: Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự. (Chong đèn huyện trưởng lo công việc) Trong bản dịch Nhật kí trong tù lần thứ nhất, câu thơ này được dịch là Chong đèn huyện trưởng làm công việc. Từ biện dịch là làm dù chưa hay nhưng vẫn tốt hơn là lo.

Lí giải dần dần, ta sẽ thấy sự bất ổn của tù này. Theo luân lí bình thường, tên ban trưởng làm bậy, tên cảnh trưởng làm bậy, đến tên huyện trưởng tất phải làm bậy. Vậy mà Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự. Tên huyện trưởng này làm gì? Nhóm dịch giả Nhật kí trong tù lần thứ nhất không lí giải được, đành hỏi Đại sứ quán Trung Quốc.

Tùy viên Văn hóa Đại sứ quán Trung Quốc nói là quan lại thời đó không làm gì cả, chỉ chong đèn hút thuốc phiện. Thế là từ đó các sách giáo khoa và giáo trình đại học đều giảng là ngục trưởng đánh bạc, cảnh sát trường ăn hối lộ, huyện trưởng hút thuốc phiện! Bài thơ Lai Tân lên án thái độ và hành động vô trách nhiệm của nhà cầm quyền ở Lai Tân mà cũng là của xã hội Trung Quốc thời Quốc dân đảng.

Có nhà nghiên cứu vẫn còn hoài nghi. Giáo sư Lê Trí Viễn viết: Bài Lai Tân có một câu không rõ nghĩa ngay ở nguyên văn: Khiêu đặng huyện trưởng biện công sự (dịch: Khiêu đèn, huyện trưởng làm công việc). Hai câu thơ trên nói sự đánh bạc, và hối lộ, còn ở đây anh huyện trưởng làm công việc (việc công chứ không phải là công việc) gì mà phải đốt đèn. Có người nói hẳn mọi việc để kiểm soát, nhưng như thế cũng là ăn đút. Có ý lại cho rằng: Hay là hẳn ta hút thuốc phiện? Không rõ. Chỗ này có lẽ nên nghiên cứu thêm” (Tác phẩm mới, số 8).

Nhóm dịch giả đã viết thư hỏi tác giả. Đại ý câu hỏi là tên huyện trưởng trong bài thơ Lai Tân làm công việc hay hút thuốc phiện. Hồ Chủ tịch đã gạch bỏ ba chữ hút thuốc phiện bằng mực đỏ. Nhận được hồi âm của tác giả, các học giả lại hoang mang. Thế là bí mật của câu thơ vẫn còn nguyên. Theo tôi, không nên hiểu câu thơ này theo lôgic mà phải hiểu theo nghĩa phi lôgic (hình thức).

Cứ hiểu là tên huyện trưởng này làm việc công (dịch là công việc cũng không suy suyển với nguyên tác là mây). Thì hẳn đang làm việc công đầy thôi. Hẳn làm huyện trưởng Lai Tân mà hai tên quan tai to mắt lớn trường và cảnh trưởng làm bậy sờ sờ trước mũi hẳn, hẳn không thấy.

Loạn đến thế là cùng, thói nát đến thế là cùng. Vậy mà dưới đèn chong, dưới mắt hẳn: Lai Tân y cựu thái bình thiên. (Trời đất Lai Tân vẫn thái bình) Bọn quan chức dưới quyền của tên huyện trưởng làm giặc trước công đường, chứ chưa nói đến bọn nha lại dưới xã thôn, vậy mà hẳn vẫn tự hào về cái huyện Lai Tân hẳn cai trị là mọi sự đều tốt đẹp, thái bình.

Nụ cười châm biếm của Hồ Chí Minh thật sâu cay! Hãy nghe thêm lời bình của nhà thơ Hoàng Trung Thông về tên huyện trưởng này: “Ồ đâu đánh giặc thì cứ đánh, còn cái trời đất Lai Tân này thì vẫn thái bình như muôn thuở. Một chữ thái bình mà xâu tảo lại bao nhiêu việc làm trên vốn là chuyện muôn thuở của xã hội Trung Quốc còn giai cấp bóc lột thống trị.

Chỉ một chữ ấy mà xé toang tất cả sự thái bình đối trá nhưng thực sự là đại loạn bên trong”. Xét về mặt cấu trúc, không nên xem ngang bằng ba câu một, hai, ba vì như vậy thì chủ đề bài thơ chỉ là phê phán những thói hư tật xấu của bọn quan lại đương thời ở Lai Tân.

Theo tôi, hai câu đầu là tầng trệt, câu thứ ba đã vút lên thành gác, thành lầu, thành lầu đài thơ. Và như vậy, chủ đề của bài thơ Lai Tân là lên án thái độ và hành động vô trách nhiệm của nhà cầm quyền ở Lai Tân mà cũng là của xã hội Trung Quốc thời Quốc dân đảng. Bài thơ có giá trị khái quát rộng lớn và sâu sắc biết bao.

Bài văn mẫu số 6: Phân tích bài thơ Lai Tân

Tháng 8/ 1942, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc tranh thủ sự viện trợ của thế giới cho cách mạng Việt Nam, nhưng đến Quảng Tây- Trung Quốc, Người bị tình nghi là Hán

gian, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam suốt mười ba tháng, bị giải đi hơn mười tám nhà lao của mười ba huyện.

Trong những ngày tháng này, Người đã chứng kiến được hết những bề chìm của sự mục ruỗng ở chính những người được cho là đại diện cho chính quyền. Trong tác phẩm của mình, Người đã nhiều lần phản ánh và đả kích điều này, một trong những bài thơ như thế là “Lai Tân”.

Bài thơ chỉ có vền vện bốn câu thơ nhưng ba câu thơ đầu ngắn gọn với sự khát quát về ba nhân vật khác nhau đã cho thấy được phần nào một xã hội lúc bấy giờ;

Giam phòng ban trưởng thiên thiên đổ,

Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;

Huyện trưởng thiêu dâng biện công sự

Dịch thơ:

Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,

Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;

Chong đèn, huyện trưởng làm công việc

Ba câu thơ ngắn như ba câu tự sự vắn tắt về những hành động thường nhật của những quan quản lí ngục thất đã bộc lộ rất rõ bản chất tẻ hại của chúng. Ban trưởng thì là một kẻ cờ bạc đã đến hạng “chuyên” tức là thường thường, ngày ngày không bao giờ dứt ra khỏi chiếu bạc, thử hỏi một trưởng ban như vậy thì còn thì giờ đâu để cai quản ngục thất?

Còn tên cảnh trưởng tuy có “chuyên tâm” vào việc giải phạm nhân nhưng vốn trông vào đó để kiếm lời qua nhận hối lộ, người như vậy không thể đảm bảo được sự công bằng và đem lại không ít khổ cực trong một nơi đã không nhiều vui sướng này. Đến tên huyện trưởng, ngày ngày “chong đèn”, nghe có vẻ như là một người chăm chỉ bận công việc nhưng thực chất đó không phải là ngọn đèn dầu đêm thấp lên vì nhiều việc bận mà là bàn đèn thuốc phiện.

Huyện trưởng chính là một con nghiện, vừa kém sức khỏe, kém trách nhiệm thậm chí sa đọa, không bằng được cả những tù nhân mà mình đang quản lí. Ở nguyên tác, Hồ Chủ Tịch để tên ba nhân vật “đáng khen” này ở ngay đầu câu thơ thậm chí cố ý xếp chức hiệu của chúng từ cao đến thấp như có ý nhấn mạnh vào những tên mang mác quan lại, những tên tuy không phải là quan to chức lớn nhưng cũng mang ý nghĩa đại biểu cho chính quyền ở tại nhà lao lúc bấy giờ.

Vậy mà từ tên có chức vị cao đến tên chức vị thấp đều đáng chê cười. Nếu không phải là ăn chơi, sa đọa thì là háms tiền, vô đạo đức. Bao nhiêu đó thôi đủ để thấy bộ mặt của cả một xã hội, của cả chính quyền lúc bấy giờ, để mà Người phải thốt lên: Lai Tân y cựu thái bình thiên. Dịch thơ: Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

Có những tên quan cai quản như vậy mà trời đất Lai Tân này vẫn thái bình được ư? Rõ ràng Người dùng từ “thái bình” này với ý mỉa mai điều cợt, ở Lai Tân, chắc chắn một điều là loạn lạc bởi những tên quan phụ mẫu sa đọa, tham lam, vô đạo đức này.

Lúc này, hoàn cảnh Trung Hoa không phải là yên bình, Nhật đang muốn thôn tính lãnh thổ, bao nhiêu tráng sĩ đổ máu ngoài sa trường mong giữ vững độc lập, tự do cho tổ quốc, đảm bảo ấm no cho nhân dân vậy mà những tên được gọi là “quan” này lại dửng dưng như không, thậm chí không làm tròn bổn phận của mình, khiến nhân dân đã cực nay còn cực hơn.

Chỉ với bốn câu thơ nhưng đã bộc lộ sâu sắc tình hình trong nước của Trung Hoa lúc bấy giờ, một sự mục ruỗng thậm tệ của chính quyền phong kiến đáng mỉa mai, đả kích, một xã hội như vậy chỉ có thể loại bỏ nhân dân mới mong có được thái bình. Những câu thơ đọc lên không có gì là dụng công nhưng lại tạo hiệu quả sâu sắc đến thế bởi tài năng của Hồ Chủ Tịch.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài thơ Lai Tân Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.